

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/HS-ST
Ngày 24/9/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Ông Ngô Mạnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 225/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Xuân H, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P.L, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân H1, sinh năm 1965 và bà Chu Thị T, sinh năm 1966; Có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2013;

Tiền án

+ Tại bản án số 19/2014/HSST ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Xuân H 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 20/01/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa chấp hành xong tiền bồi thường dân sự.

+ Tại bản án số 28/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã

T.S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Xuân H 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/01/2020 chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Tại bản án số 35/2011 ngày 25/02/2011 của Tòa án nhân dân thị xã T.S, xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng 12 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 14/2011/HSSt ngày 31/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện V.L, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 23/6/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa P.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/4/2020 tại Thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Lê Xuân H có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát: 29N1 - 355.32 của chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981, trú tại: Thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi trộm cắp được xe Hà đến gặp Nguyễn Trung Th vay của Th 5.000.000 đồng và để lại xe moto vừa trộm cắp được cho Th giữ. Số tiền vay của Th, H đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 25/5/2020 chị P đã đưa cho H 5.000.000 đồng để Hà đi chuộc lại xe trả chị.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 28/5/2020 của hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự, kết luận: “*Giá trị của tài sản liên quan đến vụ việc Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 19/5/2020 tại thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS 29N1 -355.32 của chị Nguyễn Thị P bị trộm cắp, có giá trị là 7.100.000 đồng*”.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 178/CT-VKS ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử bị cáo Lê Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/4/2020, trên đường đi bộ qua đoạn đường nhà bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975, trú tại Thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo nhìn thấy trước cửa nhà bà Ph có 01 chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát: 29N1 - 355.32. Bị cáo thấy trên mặt đồng hồ công tơ mét của xe vẫn sáng đèn báo số 2, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, quan sát xung quanh không có người để ý, trông giữ tài sản. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Bị cáo đi đến gần chiếc xe dùng tay phải đề nổ máy rồi ngồi lên lái xe bỏ đi. Sau đó, Bị cáo dùng điện thoại nhãn hiệu Nokia đã cũ có 03 số cuối của sim là 789 liên lạc với anh Nguyễn Trung Th, sinh năm 1987, trú tại Thôn P.T, xã P.T, huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh hỏi vay tiền, Bị cáo điều khiển xe moto vừa trộm cắp được đến quán café 81 ở Chợ M, xã H.S, huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh gặp anh Th. Bị cáo nói với anh Th “Cho tôi vay 5.000.000 đồng”. Bị cáo để lại chiếc xe moto trên làm tin. Anh Th không biết xe moto BKS 29N1 -355.32 do bị cáo trộm cắp được nên đã đồng ý cho bị cáo vay tiền. Sau khi nhận được 5.000.000 đồng của anh Th, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 23/4/2020, bị cáo biết việc trộm cắp chiếc xe moto trên là sai. Bị cáo đã tự nhận việc trộm cắp của mình với chị P. Do bị cáo không có tiền chuộc lại xe, chị P đã đồng ý cùng bị cáo đi chuộc xe. Sau đó, bị cáo cùng chị P và anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1989 và anh Nguyễn Đức C1, sinh năm 1979 cùng trú tại thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đi gặp anh Th để chuộc xe tại khu vực xã V.Đ, huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, chị P đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng. bị cáo cầm số tiền này đưa cho anh Tạ Hữu Tr, sinh năm 1981, trú tại: Thôn L.K, xã V.Đ, huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh (là bạn của anh Th nhờ nhận tiền hộ). Sau đó, anh Th giao lại chiếc xe moto cho bị cáo. Bị cáo nhận lại xe và trả lại cho chị P. Ngày 25/5/2020, chị P giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra công an thị xã T.S, cùng ngày Bị cáo đến Cơ quan điều tra, Công an thị xã T.S đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với anh Th bị cáo đã bị rơi mất trước đó.

Bị hại là chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tại cơ quan điều tra chị P trình bày: Chị có bị mất trộm chiếc xe moto như H khai nhận. Sau khi biết H lấy trộm xe của chị mang đi cầm cố lấy 5.000.000 đồng, chị đã đưa cho H 5.000.000 đồng để chuộc lấy lại xe. Nay chị đã nhận lại chiếc xe và yêu cầu H phải trả chị số tiền 5.000.000 đồng mà chị đưa cho để chuộc xe.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S duy trì công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất của vụ án, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Xuân H từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho chị P số tiền 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với thời gian, địa điểm và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/4/2020 tại thôn D.S, xã P.C, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Lê Xuân H có hành vi trộm cắp chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS 29N1 – 355.32 trị giá 7.100.000 đồng của chị Nguyễn Thị P. Sau đó, H đến gặp Nguyễn Trung Th, H để lại chiếc xe moto cho Th và vay của Th số tiền 5.000.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 25/5/2020 chị P đưa cho H 5.000.000 đồng để chuộc xe. Do vậy, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tại bản án số 28/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Xuân H 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”, bị cáo chưa được xóa án lại thực hiện hành vi

phạm tội. Do vậy lần phạm tội này của bị cáo chịu tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trên địa P, tạo ra tâm lý bất an trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt và có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong xã hội.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”; “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe bị cáo. Nhưng cũng cần xem xét cho bị cáo là tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, khi biết hành vi của mình bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Wave BKS 29N1 -355.32 là xe của chị Nguyễn Thị P mua hợp pháp nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T.S đã trả lại chiếc xe moto trên cho chị P là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị P yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà chị đã đưa cho bị cáo H để chuộc lại xe là có căn cứ cần chấp nhận

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Liên quan đến vụ án còn có anh Nguyễn Trung Th, sinh năm 1987, trú tại: Thôn P.T, xã P.T, huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh là người đã cho H vay tiền, H để lại xe moto BKS: 29N1 -355.32 làm tin. Anh Th không biết chiếc xe trên là tài sản do H trộm cắp được mà có. Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 136; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/5/2020.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải trả lại chị Nguyễn Thị P số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- Công an thị xã Từ Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Từ Sơn;
- những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Trường